TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 94/2018/QĐST-HNGĐ	*Tân Phước, ngày 28 tháng 8 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC - TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 146/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh **Phan Văn Ngọc S**, sinh năm 1985, địa chỉ: ấp A, xã T, huyện P, Tiền Giang và chị **Nguyễn Thị Ước M**, sinh năm 1992, địa chỉ: : ấp B, xã T, huyện P, Tiền Giang.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phan Văn Ngọc S**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện P, Tiền Giang.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ước M**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: : ấp B, xã T, huyện P, Tiền Giang.

3. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

3.1 Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Ước M trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Phan Nguyễn Sơn Q 13/01/2014 và cháu Phan Nguyễn Sơn L 31/5/2015. Anh Phan Văn Ngọc S tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung là cháu Q và cháu L mỗi cháu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) trên mỗi tháng cho đến khi cháu Q và cháu L đủ 18 tuổi và lao động được.

Anh Phan Văn Ngọc S được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.2 Về tài sản chung: Anh S và chị M tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.3 Về nợ chung: Không có.

3.4 Về án phí:

Anh Phan Văn Ngọc S tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm, năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh S đã nộp theo biên lai thu số 19382 ngày 12 tháng 7 năm 2018 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Vậy hoàn lại cho anh Phan Văn Ngọc S 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Chị M không phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CC.THADS huyện Tân Phước;
- Đương sự;
- UBND xã T, P, TG;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Hữu Tính